

QUYẾT ĐỊNH CỦA BỘ TRƯỞNG

BỘ LAO ĐỘNG THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

Về việc ban hành tạm thời danh mục nghề,

công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm.

BỘ TRƯỞNG BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

Căn cứ Nghị định số 15/CP ngày 02/ 03/ 1993 của Chính phủ quy định nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm quản lý Nhà nước của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Nghị định số 96/CP, ngày 07/ 12/ 1993 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Căn cứ Bộ Luật lao động ngày 23/ 6/ 1994;

Sau khi có ý kiến của Bộ Y-tế tại công văn số 10052/ YT-DP ngày 21/12/2000 về việc uỷ nhiệm cho Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành danh mục nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này bản danh mục tạm thời: "Nghề, công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm".

Điều 2. Người lao động làm các nghề, công việc nói ở điều 1 được hưởng chế độ Bảo hộ lao động, Tiền lương và Bảo hiểm xã hội quy định tại Bộ Luật Lao động và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Điều 3. Người lao động ở các ngành khác làm các nghề, công việc giống như các nghề, công việc nói ở điều 1, cũng được hưởng chế độ Bảo hộ lao động, Tiền lương và Bảo hiểm xã hội quy định tại Bộ Luật Lao động và các văn bản hướng dẫn thi hành như các nghề, công việc nói ở điều 1;

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày ký. Đối với các nghề, công việc chưa được quy định trong các danh mục ban hành kèm theo Quyết định này, Quyết định số 1453/LĐTBXH-QĐ ngày 13/10/1995, Quyết định số 915/LĐTBXH-QĐ ngày 30/7/1996, Quyết định số 1629/LĐTBXH-QĐ ngày 26/12/1996 và Quyết định số 190/1999/QĐ-BLĐTBXH, ngày 03/03/1999 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, các Bộ, ngành cần soát xét và lập

danh mục gửi Liên Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Y-tế để xem xét và ban hành bổ sung./.

DANH MỤC NGHỀ, CÔNG VIỆC

ĐẶC BIỆT NẶNG NHỌC, ĐỘC HẠI, NGUY HIỂM (LOẠI VI,V)

VÀ NẶNG NHỌC, ĐỘC HẠI, NGUY HIỂM (LOẠI IV)

(Kèm theo Quyết định số 1580 / 2000/ QĐ-BLĐTBXH ngày 26 /12/2000

của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

1- CÔNG NGHIỆP

A- KHAI THÁC VÀ CHẾ BIẾN CAO LẠNH

Số tt	Tên nghề hoặc công việc	Đặc điểm về điều kiện lao động của nghề, công việc
ĐIỀU KIỆN LAO ĐỘNG LOẠI V		
1	Bắn mìn để khai thác cao lanh	Làm việc ngoài trời nặng nhọc, nguy hiểm; chịu tác động của tiếng ồn, bụi đất đá có hàm lượng SiO ₂ cao.
ĐIỀU KIỆN LAO ĐỘNG LOẠI IV		
1	Khai thác cao lanh thủ công tại mỏ lộ thiên	Làm việc ngoài trời thủ công, nặng nhọc; chịu tác động của nhiệt độ nóng, lạnh, gió chênh cao ở móng sâu và bụi đá có hàm lượng SiO ₂ cao.
2	Chế biến cao lanh thủ công	Công việc ngoài trời nặng nhọc, thủ công, đơn điệu; chịu tác động của bụi đất đá có hàm lượng SiO ₂ cao.

B- CƠ KHÍ

Số tt	Tên nghề hoặc công việc	Đặc điểm về điều kiện lao động của nghề, công việc
ĐIỀU KIỆN LAO ĐỘNG LOẠI IV		
1	Khoan, bào, tiện gang	Bụi, căng thẳng thị giác, tập trung chú ý cao.

C- ĐIỆN

Số tt	Tên nghề hoặc công việc	Đặc điểm về điều kiện lao động của nghề, công việc
ĐIỀU KIỆN LAO ĐỘNG LOẠI IV		
1	Nấu, trộn tằm, ép nhựa Bakelit	Công việc thủ công, nặng nhọc; tiếp xúc với nhiệt độ cao và hoá chất độc vượt tiêu chuẩn vệ sinh cho phép (Phenol, Formalin, Amoniac...)

D- SẢN XUẤT GIẤY

Số tt	Tên nghề hoặc công việc	Đặc điểm về điều kiện lao động của nghề, công việc
ĐIỀU KIỆN LAO ĐỘNG LOẠI IV		
1	Trồng, chăm sóc và khai thác rừng (trong các lâm trường nguyên liệu giấy).	Làm việc ngoài trời; công việc thủ công, nặng nhọc; tiếp xúc với côn trùng gây bệnh.

E- SẢN XUẤT DẦU THỰC VẬT VÀ HƯƠNG LIỆU MỸ PHẨM

Số tt	Tên nghề hoặc công việc	Đặc điểm về điều kiện lao động của nghề, công việc
ĐIỀU KIỆN LAO ĐỘNG LOẠI IV		
1. 1. 1	Ép dầu thực vật	Công việc bán thủ công, nặng nhọc; chịu tác động của nhiệt độ cao, bụi.
	Chế biến dầu thực vật (Trung hoà, tẩy màu, khử mùi, sản xuất Shortening, Magrine)	Làm việc trên sàn cao, trơn dễ bị trượt ngã. Chịu tác động của nóng, bụi, ồn.
	Bóc xếp, vận chuyển nguyên liệu và dầu thực vật thành phẩm	Làm việc ngoài trời, công việc thủ công, nặng nhọc; chịu tác động của bụi, mùi ẩm mốc của nguyên liệu.
	Sản xuất than hoạt tính từ sọ dừa	Công việc bán thủ công, nặng nhọc; Chịu tác động của bụi than và nhiệt độ cao.
	Sấy nông sản	Công việc thủ công, nặng nhọc; tiếp xúc thường xuyên với nhiệt độ cao, bụi, nấm

		mốc và vi sinh vật gây bệnh.
	Nấu xà phòng thủ công	Công việc thủ công, nặng nhọc; tiếp xúc thường xuyên với xút (NaOH) và nhiệt độ cao.
	Xúc rửa bao bì đựng dầu (thùng phuy, can nhựa...)	Tiếp xúc thường xuyên với nước nóng, lạnh và hoá chất xúc rửa (NaOH), môi trường ẩm ướt, lao động thủ công đơn điệu.

F- RƯỢU - BIA - NƯỚC GIẢI KHÁT

Số tt	Tên nghề hoặc công việc	Đặc điểm về điều kiện lao động của nghề, công việc
ĐIỀU KIỆN LAO ĐỘNG LOẠI V		
1	Tráng Parafin trong bể chứa rượu	Làm việc trong hầm kín, nóng, thiếu oxy, nồng độ hơi cồn cao. Tư thế lao động rất gò bó, công việc thủ công.
2	Lên men bia trong hầm lạnh	Công việc thủ công, nặng nhọc, làm việc trong môi trường lạnh ($2-5^{\circ}\text{C}$), ẩm ướt, nồng độ CO_2 cao.
ĐIỀU KIỆN LAO ĐỘNG LOẠI IV		
1	Vận chuyển nguyên liệu nấu rượu, bia, nước giải khát	Công việc thủ công, nặng nhọc, làm việc trong môi trường bụi cao.
2	Xay nghiền nguyên liệu để sản xuất rượu, bia	Chịu tác động của tiếng ồn lớn, bụi nhiều. Công việc bán thủ công.
3	Vận hành thiết bị nấu nguyên liệu sản xuất rượu.	Công việc nặng nhọc, làm việc trong môi trường nhiệt độ cao.
4	Đường hoá lên men trong qui trình sản xuất rượu.	Môi trường lao động ẩm, tiếp xúc với Focmon, CO_2 , nấm và các hoá chất khác. Tư thế lao động gò bó, công việc nặng nhọc.
5	vận hành thiết bị chưng cất cồn	Làm việc trong môi trường nhiệt độ cao, tiếp xúc thường xuyên với hơi cồn, aldehyt và các hoá chất độc hại khác.
6	Phân tích kiểm tra chất lượng cồn trong qui trình sản xuất	Tiếp xúc thường xuyên với Etylic nồng độ cao và các hoá chất độc.

	rượu, bia, nước giải khát.	
7	Chưng cất hương liệu sản xuất rượu mùi.	Làm việc trong môi trường nhiệt độ cao, tiếp xúc thường xuyên với cồn và các hương liệu. Tư thế lao động gò bó, công việc nặng nhọc.
8	Lên men hoa quả để sản xuất rượu vang.	Môi trường lao động ẩm ướt, tiếp xúc thường xuyên với các loại vi sinh vật, khí CO ₂ . Tư thế lao động gò bó, công việc thủ công nặng nhọc.
9	Vận hành hệ thống máy nén khí lạnh bằng NH ₃ .	Làm việc trong môi trường nhiệt độ cao, tiếng ồn lớn, tiếp xúc thường xuyên với NH ₃ ảnh hưởng thần kinh.
10	Vận hành thiết bị thu hồi khí CO ₂ và bảo quản bình chứa CO ₂ .	Công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm, tiếp xúc thường xuyên với CO ₂
11	Vận hành thiết bị nấu lọc bia, nước giải khát	Công việc bán thủ công nặng nhọc. Làm việc trong môi trường nhiệt độ cao, tiếng ồn lớn, bụi nhiều.
12	Làm việc trong dây truyền rửa chai, lon rượu -bia -nước giải khát	Thường xuyên tiếp xúc với hoá chất, tiếng ồn, nhiệt độ cao.
13	Bốc xếp thủ công thùng két trong sản xuất rượu -bia - nước giải khát.	Công việc nặng nhọc, tư thế lao động gò bó, tiếp xúc bụi nhiều.
14	Sản xuất hộp catton đựng chai, lon rượu -bia -nước giải khát	Làm việc trong môi trường nóng, bụi, ồn, tư thế lao động gò bó.

G- CHẾ BIẾN THỰC PHẨM

Số tt	Tên nghề hoặc công việc	Đặc điểm về điều kiện lao động của nghề, công việc
ĐIỀU KIỆN LAO ĐỘNG LOẠI IV		
1	Chế biến dịch sữa	Công việc nặng nhọc; tư thế lao động gò bó; làm việc trong môi trường nhiệt độ cao, ẩm ướt, tiếng ồn lớn, bụi nhiều.
2	Vận hành hệ thống tháp sấy bột sữa, bột dinh dưỡng, tháp cô đặc	Làm việc trong môi trường nhiệt độ cao, tiếng ồn lớn, bụi nhiều, tập trung chú ý

	sữa tươi.	cao.
3	Vận hành thiết bị rót và đóng gói sản phẩm.	Làm việc trong phòng kín, kém thông thoáng, độ ẩm thấp, tiếng ồn lớn; nhịp điệu lao động khẩn trương, đơn điệu, tư thế lao động gò bó, độ tập trung quan sát cao
4	Sản xuất hộp thiếc đựng các sản phẩm từ sữa, trái cây...	Công việc nặng nhọc, đơn điệu, thường xuyên chịu tác động của tiếng ồn.
5	Bảo quản các sản phẩm trong nhà lạnh.	Nhiệt độ thay đổi đột ngột, thường xuyên phải làm việc trong môi trường -30 ⁰ C. Công việc thủ công, nặng nhọc, đơn điệu.
6	Trộn nguyên liệu (bột mì) trong sản xuất mì ăn liền	Công việc bán thủ công, nặng nhọc; chịu tác động của bụi, nhiệt độ cao, ồn và rung.
7	Cán, hấp, bỏ mì vào khuôn trước khi chiên	Làm việc trong môi trường nóng, ẩm; công việc bán thủ công, đơn điệu, nguy hiểm (khâu cán)
8	Vận hành lò dầu, lò chiên (mì, đậu phộng)	Công việc nặng nhọc, nguy hiểm; thường xuyên tiếp xúc với nhiệt độ cao, dầu trơn dễ gây tai nạn.
9	Vận hành máy tráng, hấp các loại thực phẩm bằng gạo	Môi trường lao động nóng, ẩm; công việc bán thủ công, đơn điệu; đi lại, đứng quan sát suốt ca làm việc.
10	Thu hồi sản phẩm sau sấy	Môi trường lao động nóng; công việc bán thủ công, nặng nhọc, tư thế lao động gò bó.
11	Nghiền phôi cháo	Công việc bán thủ công, nặng nhọc; ảnh hưởng của tiếng ồn, bụi.
12	Chế biến nguyên liệu, pha trộn, đóng gói bột canh, bột gia vị	Công việc bán thủ công, nặng nhọc; thường xuyên tiếp xúc với nhiệt độ cao và nhiều loại nguyên liệu gây kích thích niêm mạc, mắt mũi, da.
13	Snack mì (xay, sàng, tái chế mì vụn)	Công việc thủ công; tiếp xúc với nhiệt độ cao và bụi.
14	Chế biến tương ớt	Công việc thủ công; môi trường lao động nóng, ẩm ướt; tiếp xúc với ớt (khi xay, nấu, nghiền) gây kích thích da, niêm mạc.

2- ĐỊA CHÍNH

Số tt	Tên nghề hoặc công việc	Đặc điểm về điều kiện lao động của nghề, công việc
ĐIỀU KIỆN LAO ĐỘNG LOẠI VI		
1	Đo đạc địa hình đáy biển	Công việc đặc biệt nặng nhọc, nguy hiểm. Thường xuyên làm việc trên biển, chịu áp lực của sóng biển, tiếng ồn cao và rung mạnh.

3-SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG

Số tt	Tên nghề hoặc công việc	Đặc điểm về điều kiện lao động của nghề, công việc
ĐIỀU KIỆN LAO ĐỘNG LOẠI V		
1	Công nhân đốt lò nung gạch chịu lửa	Công việc nặng nhọc; chịu tác động của nhiệt độ cao và bụi vượt tiêu chuẩn vệ sinh cho phép.
2	Công nhân xếp - ra lò gạch chịu lửa	Công việc nặng nhọc; chịu tác động của nhiệt độ cao và bụi vượt tiêu chuẩn vệ sinh cho phép.

4- NÔNG NGHIỆP

Số TT	Tên nghề hoặc công việc	Đặc điểm về điều kiện lao động của nghề, công việc
ĐIỀU KIỆN LAO ĐỘNG LOẠI V		
1	Khoan tay thăm dò khai thác nước ngầm	Công việc thủ công nặng nhọc, tư thế lao động gò bó, nơi làm việc lầy lội bẩn thỉu. Đi làm lưu động tại các vùng rừng núi, hải đảo.
2	Khảo sát đo địa vật lý thăm dò khai thác nước ngầm	Công việc nặng nhọc, nguy hiểm, luôn lưu động ở vùng núi cao, rừng sâu, hải đảo.
3	Công nhân xây lát đá thủy lợi (kể cả làm rỗng đá)	Công việc ngoài trời, lao động thủ công, nặng nhọc; tư thế lao động gò bó, nguy hiểm; ảnh

		hưởng của bụi vôi, xi măng, cát...
4	Trực tiếp kiểm tra, giám định cà phê và nông sản xuất nhập khẩu tại các vùng núi sâu, xa và trên tàu biển.	Công việc lưu động, liên tục căng thẳng; ảnh hưởng khí hậu khắc nghiệt và thay đổi thất thường của vùng; môi trường lao động: nóng, bụi, ồn và liên tục phải hít ngửi vi sinh vật nấm mốc, gây bệnh.
5	Thử nếm, cảm quan chất lượng cà phê và hàng hoá nông sản xuất khẩu từ 400 cốc/ ngày trở lên.	Cường độ thử nếm cao, ảnh hưởng trực tiếp hàm lượng caphein cao và các tạp chất lẫn trong cà phê như nấm mốc, vi khuẩn gây bệnh.
6	Kiểm dịch thực vật và khử trùng hàng hoá nông, lâm sản xuất nhập khẩu trên tàu biển, xà lan, trong Xilo.	Công việc nặng nhọc, nguy hiểm do treo cao, mang vác nặng trong điều kiện có sóng, gió biển; ảnh hưởng trực tiếp các loại hoá chất để khử trùng: PH ₃ , CH ₃ Br; làm việc ngoài trời hoặc trong hầm tàu, nơi làm việc chật hẹp, tư thế lao động gò bó, thiếu ánh sáng, thiếu dưỡng khí.
7	Làm việc trong hầm men bia lạnh	Nhiệt độ thấp, ẩm; Chịu ảnh hưởng của khí amoniac (NH ₃) và cacbonic (CO ₂)
8	Phun cát tẩy gỉ để mạ kẽm	Công việc nặng nhọc, ảnh hưởng bụi, rung, ồn trong suốt ca làm việc.

ĐIỀU KIỆN LAO ĐỘNG LOẠI IV

1	Vận hành máy khoan thăm dò, khai thác nước ngầm (kể cả lái xe)	Luôn phải lưu động tại vùng rừng núi, hải đảo thiếu nước ngọt, công việc nặng nhọc, nguy hiểm, ảnh hưởng trực tiếp ồn rung lớn, tư thế lao động gò bó, nơi làm việc bẩn thỉu.
2	Xây lắp đường ống nước, bể nước trên vùng cao.	Lao động nặng nhọc, nguy hiểm và luôn phải đi lưu động vùng rừng núi, hải đảo
3	Chăn nuôi dê, thỏ	Lao động thủ công, nơi làm việc ẩm ướt, hôi thối, luôn phải tiếp xúc với nấm và vi sinh vật gây bệnh.
4	Phân tích, kiểm tra, xử lý, lưu trữ hồ sơ giám định xuất nhập khẩu cà phê và hàng hoá nông sản trên máy vi tính.	Công việc khẩn trương, căng thẳng, đảm bảo nhanh tiến độ giao nhận hàng ngoài cảng; thường xuyên tiếp xúc với màn hình, chịu ảnh hưởng của điện từ trường.
5	Phân tích, kiểm nghiệm chất lượng cà phê và hàng hoá nông sản xuất nhập khẩu trong phòng thí nghiệm	Thường xuyên tiếp xúc với các loại chất độc hại và các chất dung môi hữu cơ như hecxa, toluen, ête etylic, ête petrol... để phân tích các độc tố (nấm mốc gây ung thư); xác định các loại sâu mọt, côn trùng.

6	Kiểm dịch thực vật và khử trùng hàng hoá nông, lâm sản xuất nhập khẩu tại các kho tàng bến bãi, container, trên ô tô,	Công việc nặng nhọc, ảnh hưởng trực tiếp các loại hoá chất để khử trùng như Phosphin (PH ₃) methyl bromide (CH ₃ Br) CO ₂ , DDVP. Nơi làm việc chật hẹp, thiếu ánh sáng, thiếu dưỡng khí.
7	Luyện, cán cao su để làm lốp ô tô các loại xe nông nghiệp	Công việc nguy hiểm; thường xuyên tiếp xúc với hoá chất nồng độ cao, nóng, bụi.

5- THƯƠNG MẠI

Số tt	Tên nghề hoặc công việc	Đặc điểm về điều kiện lao động của nghề, công việc
ĐIỀU KIỆN LAO ĐỘNG LOẠI V		
1	Giám định dầu thô ngoài dàn khoan	- Làm việc ở ngoài khơi, xa bờ, chịu tác động của sóng, gió, thời tiết khắc nghiệt, trèo cao, công việc nặng nhọc, nguy hiểm.
ĐIỀU KIỆN LAO ĐỘNG LOẠI IV		
1	Giám định tàu thủy trước khi phá dỡ hoặc sửa chữa.	- Làm việc dưới hầm tàu (sâu 20-30m) trong điều kiện môi trường độc hại, thiếu dưỡng khí và nguy hiểm.
2	Giám định các công trình xây dựng thiết bị toàn bộ	- Công việc lưu động, ngoài trời, chịu ảnh hưởng của nắng, nóng, gió, bụi.
3	Giám định hàng hoá xuất, nhập khẩu ở các kho, bãi, hầm chứa hàng.	- Công việc lưu động, ngoài trời, chịu ảnh hưởng của bụi bẩn lớn, nóng, lạnh (kho lạnh)
4	Phân tích, kiểm nghiệm chất lượng hàng hoá xuất nhập khẩu trong phòng thí nghiệm.	Phải thường xuyên tiếp xúc với hoá chất độc hại.
5	Khử trùng, xông hơi, chiếu xạ đối với hàng hoá xuất nhập khẩu	Tiếp xúc trực tiếp với hoá chất để khử trùng như Phosphin (PH ₃) methyl bromide (CH ₃ Br), DDVP. Nơi làm việc chật hẹp, thiếu ánh sáng, thiếu dưỡng khí.

6- VĂN HOÁ - THÔNG TIN

Số tt	Tên nghề hoặc công việc	Đặc điểm về điều kiện lao động của nghề, công việc
ĐIỀU KIỆN LAO ĐỘNG LOẠI IV		
1	Lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa biển quảng cáo	Công việc lưu động, ngoài trời; thường xuyên làm việc trên cao nguy hiểm, mang vác nặng.
2	Chiếu phim lưu động tại vùng nông thôn, rừng, núi, hải đảo.	Thường xuyên đi lưu động ở các vùng nông thôn và vùng núi, hẻo lánh; mang vác máy móc nặng, bụi bẩn.
3	Hướng dẫn khách thăm quan trong khu di tích Phủ Chủ tịch	Cường độ lao động cao, liên tục đi lại và thuyết minh trong ca làm việc; căng thẳng thần kinh tâm lý.

7- DU LỊCH

Số tt	Tên nghề hoặc công việc	Đặc điểm về điều kiện lao động của nghề, công việc
ĐIỀU KIỆN LAO ĐỘNG LOẠI IV		
1	Sơ chế thực phẩm phục vụ chế biến các món ăn từ 100 suất ăn trở lên trong nhà hàng, khách sạn	Lao động thủ công nặng nhọc, đứng, cúi khom, di chuyển ngắn liên tục trong ca; tiếp xúc với nóng, ẩm ướt, khí CO2 từ chất đốt.
2	Rửa bát đĩa và đồ dùng ăn uống trong các nhà hàng, khách sạn.	Công việc nặng nhọc, khản chương, liên tục; đứng, cúi suốt ca; chịu ảnh hưởng của nóng, ẩm ướt và hoá chất tẩy rửa.
3	Bảo quản, cấp phát, vận chuyển thực phẩm trong kho lạnh.	Chịu tác động nóng, lạnh (dưới 0 ⁰ C) đột ngột; vận chuyển thực phẩm nhiều lần trong ca làm việc.
4	Vệ sinh nhà bếp, cống rãnh khách sạn.	Công việc nặng nhọc, không cố định; tiếp xúc bụi bẩn, ẩm ướt, khí CO2 và nấm mốc vi sinh.
5	Giặt, là thủ công trong khách sạn.	Công việc nặng nhọc, thủ công; tiếp xúc trực tiếp với nóng, ẩm ướt và thuốc tẩy rửa: sút, a xít...
6	Lái xe ô tô du lịch từ 40 chỗ ngồi trở lên	Lưu động, nguy hiểm, căng thẳng thần kinh, chịu tác động của ồn, rung, hơi xăng.

8- GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO

Số tt	Tên nghề hoặc công việc	Đặc điểm về điều kiện lao động của nghề, công việc
ĐIỀU KIỆN LAO ĐỘNG LOẠI V		
1	Thí nghiệm vật lý hạt nhân	Tiếp xúc thường xuyên với nguồn phóng xạ
2	Thí nghiệm hoá phóng xạ	Tiếp xúc thường xuyên với nguồn phóng xạ, hoá chất độc hại
ĐIỀU KIỆN LAO ĐỘNG LOẠI IV		
1	Thí nghiệm hoá, sinh, điện cao áp.	Làm việc trong phòng kín, ảnh hưởng của điện từ trường cao, tiếp xúc với hoá chất độc, điện áp cao và các vi sinh vật gây bệnh.
2	Thủ kho hoá chất	Làm việc trong môi trường kín, chật hẹp; tiếp xúc với hoá chất độc hại.

CÁC NGHỀ VẬN DỤNG BỘ NÔNG NGHIỆP

Số TT	Tên nghề, công việc	Đặc điểm về điều kiện lao động của nghề, công việc	Điều kiện LĐ loại	Ghi chú
1	Khảo sát đo địa, vật lý	Công việc nặng nhọc, nguy hiểm, luôn lưu động ở vùng núi cao, rừng sâu, hải đảo, thiếu nước ngọt	5	Vận dụng QĐ1629, Mục: Địa chất Chức danh số14
2	Luyện cao su	Thường xuyên tiếp xúc với hoá chất có nồng độ cao, nóng, bụi		Vận dụng QĐ1453 -Mục Hoá chất Chức danh số10

3	Làm việc trong hầm men bia lạnh			Vận dụng QĐ Mục Chức danh số
4	Phun cát tẩy rỉ:	Công việc nặng nhọc, ảnh hưởng bụi, rung, ồn trong suốt ca làm việc	5	Vận dụng: QĐ1453 Mục: Cơ khí Chức danh số 4
5	Mạ kẽm	Chịu tác động của nhiều loại hơi khí độc: chì, HCl, NH ₃ , NH ₄ OH, NH ₄ Cl, ZnO	4	Vận dụng: QĐ1453 Mục: Cơ khí Chức danh số 13
6	Phân tích, kiểm nghiệm chất lượng cà phê và hàng nông sản XNK trong phòng thí nghiệm	Thường xuyên tiếp xúc với các loại chất độc hại như H ₂ SO ₄ đậm đặc. HCl. HNO ₃ và các chất dung môi hữu cơ như hexan, toluen, ête etylic, ête petrol... để phân tích các độc tố như aflatoxin ochratoxin (nấm mốc gây ung thư). Xác định các loại sâu mọt, côn trùng.	4	Vận dụng QĐ - Mục: Thương mại Chức danh số 4
7	Trồng, chăm sóc, thu hái các loại cây thức ăn gia súc để chăn nuôi dê, thỏ và nuôi các loại gia súc, gia cầm khác.	Làm việc ngoài trời, lao động thủ công nặng nhọc, tư thế lao động gò bó.	4	Vận dụng: QĐ 915 Mục Nông nghiệp Chức danh số 4

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG
(Đã ký)

Lê Duy Đồng